

Số: /BC-UBND

TP. Quảng Ngãi, ngày tháng 7 năm 2024

BÁO CÁO

Kế hoạch phát triển giáo dục và dự toán NSNN năm 2025 và kế hoạch ngân sách 03 năm 2025-2027

Theo nội dung Công văn số 1549/SGDDĐT-KHTC ngày 02/7/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ngãi về việc thực hiện xây dựng Kế hoạch phát triển giáo dục và dự toán NSNN năm 2025 và Kế hoạch ngân sách 03 năm 2025-2027.

UBND thành phố báo cáo việc xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục, dự toán ngân sách lĩnh vực giáo dục đào tạo năm 2025 và kế hoạch ngân sách 03 năm 2025-2027 như sau:

A. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI (KTXH) NĂM 2025 THUỘC LĨNH VỰC GIÁO DỤC

I. ĐÁNH GIÁ CHUNG TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KTXH NĂM 2024 THUỘC LĨNH VỰC GIÁO DỤC

1. Đánh giá chung

Năm 2024, thành phố tiếp tục triển khai các giải pháp nhằm hồi phục nền kinh tế theo sự chỉ đạo của UBND tỉnh; từng bước tiến tới hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu và nhiệm vụ về phát triển kinh tế - xã hội đã được đề ra theo Nghị Quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố lần thứ XVI.

UBND thành phố đã ban hành Quyết định số 7614/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 về nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024; Quyết định số 7946/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 về việc ban hành chương trình công tác năm 2024 của UBND thành phố; đồng thời chỉ đạo các phòng, ban, đơn vị thành phố và UBND các xã, phường ban hành và triển khai thực hiện chương trình công tác của từng đơn vị và thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra tiến độ thực hiện nhiệm vụ được giao.

2. Đánh giá chung tình hình thực hiện kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo năm 2024

2.1. Đánh giá tóm tắt tình hình thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu

Đối với lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo thành phố tiếp tục triển khai các nhiệm vụ, giải pháp nhằm thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; từng bước tiến tới hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu và nhiệm vụ về lĩnh vực giáo dục đã được đề ra theo Nghị Quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố lần thứ XVI.

Trên cơ sở các văn bản UBND thành phố đã ban hành¹, UBND thành phố đã chỉ đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố ban hành Quyết định số 03/QĐ-PGDĐT ngày 03/01/2024 về việc ban hành Chương trình công tác năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo và thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra tiến độ thực hiện nhiệm vụ được giao, cụ thể:

- Tích cực thực hiện xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2020 – 2025; Đề án xây dựng nông thôn mới. Tính đến nay, toàn thành phố có 66/68 trường đạt chuẩn quốc gia²; trong đó, có 04 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.

Ước thực hiện năm 2024 về xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia:

+ Cấp học mầm non: Kiểm tra công nhận lại 03 trường; trong đó, xây dựng 02 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 (*MN Chánh Lộ; MN Tịnh Khê*); MN Tịnh An đạt chuẩn quốc gia mức độ 1.

+ Cấp học tiểu học: Kiểm tra công nhận lại 02 trường (*TH Phổ An, TH Tân Mỹ đạt chuẩn quốc gia mức độ 1*).

+ Cấp học THCS: Kiểm tra công nhận lại 04 trường; trong đó, xây dựng trường THCS Trần Phú đạt chuẩn quốc gia mức độ 2, trường THCS Chánh Lộ, Nghĩa Lộ, Nghĩa An đạt chuẩn quốc gia mức độ 1.

- Giữ vững 23/23 xã, phường hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục xóa mù chữ và phổ cập giáo dục THCS.

- Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn theo quy định mới trên 80%. Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng theo lộ trình quy định tại Nghị định 71 của Chính phủ.

- Tỷ lệ trẻ em đến trường đúng độ tuổi là 99,35%; trong đó Mầm non - 5 tuổi đạt 100%, Tiểu học đạt 99,4%, THCS đạt 99,3%.

(Chi tiết có Biểu 1 kèm theo)

2.2. Đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm học 2023-2024

2.2.1. Đối với các nhóm nhiệm vụ trọng tâm năm học 2023-2024:

a. Về quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục, quy mô học sinh

- Toàn thành phố hiện có 68 trường công lập³; 07 trường mầm non tư thục và 01 trường MN-TH Việt Úc (*không thay đổi so với năm học trước*); tổng số cơ sở giáo dục MN độc lập: 171 cơ sở; trong đó đã cấp phép được 61 cơ sở (*tăng 07 cơ sở được cấp phép so với năm học trước*).

¹ Quyết định số 7614/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 về nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024; Quyết định số 7946/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 về việc ban hành chương trình công tác năm 2024.

² 24/24 trường mầm non, 19/21 trường tiểu học, 18/18 trường THCS; 05/05 trường TH&THCS

³ 24 trường MN, 21 trường TH, 18 trường THCS và 05 trường TH&THCS.

- Tổng số lớp: 1.557 lớp, tăng 27 lớp so với năm học trước (trong đó: MN: 428 lớp, tăng 01 lớp; TH: 683 lớp, tăng 02 lớp; THCS: 446 lớp, tăng 24 lớp với năm học trước).

- Tổng số học sinh: 54.111 em, tăng 986 em so với năm học trước (trong đó: MN 10.928 em, tăng 228 em; TH 25.097 em, giảm 270 em; THCS 18.086 em, tăng 1.128 em).

b. Tình hình phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục

- Tổng số biên chế giao: 2.511 biên chế (tăng 05 biên chế so với năm học trước).

- Tổng số biên chế hiện có: 2.450 biên chế (nhiều hơn 73 biên chế so với năm học trước; Trong đó, mầm non có 534 biên chế; tiểu học có 1027 biên chế; THCS có 889 biên chế).

- Tại Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố: Biên chế được giao năm 2024 là 07 biên chế, hiện có 07 biên chế; trong đó, 01 Tiến sĩ, 04 Thạc sĩ, 02 Đại học (không thay đổi so với năm học trước).

- UBND thành phố luôn tạo điều kiện thuận lợi để cán bộ quản lý và giáo viên tham gia học và tự học để nâng chuẩn trình độ chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị; đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục cơ bản đáp ứng yêu cầu của các đơn vị trường học. UBND thành phố tiếp tục xây dựng kế hoạch tuyển dụng giáo viên để đảm bảo việc dạy và học theo quy định.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng đảm bảo đạt chuẩn về trình độ theo quy định mới được quan tâm và thực hiện theo lộ trình theo Kế hoạch của tỉnh, thành phố. Việc bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp cho giáo viên đã được chú trọng và tiếp tục triển khai trong thời gian tới. Thực hiện đảm bảo các chế độ, chính sách đối với nhà giáo và cán bộ quản lý đúng theo quy định.

c. Công tác phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông

Chất lượng giáo dục ở các bậc học luôn được quan tâm; việc triển khai áp dụng Chương trình giáo dục phổ thông, sách giáo khoa mới đối với lớp 1 đảm bảo điều kiện nên thuận lợi và đạt được mục tiêu đề ra.

d. Đẩy mạnh giao quyền tự chủ và chịu trách nhiệm giải trình đối với các cơ sở giáo dục

UBND thành phố ban hành Quyết định về giao quyền tự chủ và chịu trách nhiệm giải trình đối với các cơ sở giáo dục, phân bổ kinh phí đảm bảo hoạt động của các đơn vị, đồng thời thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn được giao. Bên cạnh đó, các trường thực hiện công khai, đảm bảo tính minh bạch trong công tác tài chính, các khoản đóng góp của xã hội đảm bảo tính minh bạch, về công tác vận động tài trợ được thực hiện theo quy định.

e. Tăng cường cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng các hoạt động giáo dục và đào tạo

- Hằng năm được tăng cường bổ sung cơ sở vật chất từ các nguồn kinh phí ngân sách cấp; hiện nay, cơ bản đủ phòng học, có phòng bộ môn, phòng chức năng và khu hành chính quản trị cho các trường, có 100% trường tiểu học triển khai dạy 2 buổi/ngày đối với khối lớp 1, 2, 3, số phòng học đã đảm bảo mỗi lớp/phòng đáp ứng yêu cầu thực hiện áp dụng Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4, lớp 6, lớp 7 và lớp 8.

- Về tăng cường, bổ sung mua sắm tài sản, thiết bị và sửa chữa cơ sở vật chất, hằng năm được Sở Giáo dục và Đào tạo quan tâm hỗ trợ máy tính, máy tính bảng, ti vi và các thiết bị đồ dùng, đồ chơi ngoài trời và bổ sung từ ngân sách thành phố, cụ thể (*Chi tiết theo phụ biểu đính kèm*).

2.2.2. Năm 2024 là năm thứ ba của thời kỳ ổn định ngân sách, ngành giáo dục đào tạo huyện tiếp tục phát huy những thuận lợi, khắc phục khó khăn, thách thức phấn đấu thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ về phát triển giáo dục, đào tạo; tiếp tục thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp theo tinh thần Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu của xã hội và hội nhập quốc tế; chuẩn bị và thực hiện các điều kiện triển khai chương trình giáo dục phổ thông mới theo Nghị quyết số 88/2014/QH13 và Nghị quyết số 51/2017/QH14 của Quốc hội; đẩy mạnh hoạt động giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh. Đổi mới công tác quản lý, tập trung khắc phục những hạn chế, bất cập; tăng cường an ninh, an toàn trong trường, lớp học; chú trọng xây dựng văn hóa học đường, trang bị kỹ năng sống cho học sinh; xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, dân chủ, kỷ cương.

Tiếp tục sắp xếp, xử lý hiệu quả vấn đề thừa, thiếu giáo viên cục bộ; đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút các nguồn lực phát triển giáo dục; nâng cao chất lượng giáo dục tập trung xây dựng và phát triển đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, tạo điều kiện để CBQL, giáo viên tham gia các lớp bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ theo Luật giáo dục và trình độ lý luận chính trị, quản lý giáo dục.

3. Tình hình thực hiện Nghị quyết 35/2019/NQ-CP của Chính phủ và công tác xã hội hóa giáo dục:

- Tăng cường xã hội hóa dựa trên các văn bản, chỉ thị, nghị quyết của Đảng, Nhà nước và các quy định hướng dẫn về xã hội hóa giáo dục của các cơ quan quản lý. Thường xuyên tuyên truyền phổ biến trong tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường và cha mẹ học sinh nắm bắt kịp thời. Từ đó, nâng cao sự phối hợp của nhà trường với phụ huynh, các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương thông qua việc khẳng định chất lượng giáo dục của nhà trường;

- Hiện nay, toàn ngành giáo dục thành phố có 68/68 đơn vị trường học trực thuộc được UBND thành phố giao quyền tự chủ theo Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

II. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KTXH NĂM 2025 THUỘC LĨNH VỰC GIÁO DỤC

1. Căn cứ, định hướng và yêu cầu xây dựng kế hoạch

- Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng về Chương trình hành động triển khai thực hiện Chiến lược phát triển KTXH 2021-2030 và Phương hướng, nhiệm vụ phát triển đất nước 5 năm 2021-2025 đối với lĩnh vực giáo dục, đào tạo; Nghị quyết của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của chính phủ nhiệm kỳ 2021 - 2026 thực hiện nghị quyết của Quốc hội về kế hoạch phát triển KTXH 05 năm 2021 - 2025.

- Căn cứ vào các mục tiêu nhiệm vụ phát triển KTXH và các điều kiện thực tế, địa phương xác định mục tiêu, nhiệm vụ và các chỉ tiêu kế hoạch phát triển giáo dục, đào tạo và dự toán NSNN giai đoạn 2021-2025 và năm 2025.

- Căn cứ tình hình triển khai thực hiện kế hoạch phát triển Giáo dục - Đào tạo năm 2024, triển khai xây dựng kế hoạch năm 2025 đảm bảo có hiệu quả, khả thi, gắn với nguồn lực để thực hiện, là công cụ quan trọng để quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo.

- Căn cứ số liệu về dân số và dự báo nhu cầu về số lượng học sinh;

- Căn cứ tình hình triển khai thực hiện kế hoạch phát triển giáo dục - đào tạo của địa phương năm 2024, triển khai xây dựng kế hoạch năm 2025 và định hướng kế hoạch, nhiệm vụ, giải pháp phát triển Giáo dục - Đào tạo năm 2024-2025 theo đúng quy định.

2. Định hướng kế hoạch, nhiệm vụ, giải pháp phát triển KTXH năm 2025 thuộc lĩnh vực giáo dục

- Năm 2025 là năm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, năm cuối thực hiện đạt mục tiêu, nhiệm vụ đề ra tại Nghị quyết của Đại hội Đại biểu lần thứ XIII của Đảng và Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm (2021 - 2025) và Chiến lược phát triển phát triển KTXH 10 năm 2021-2030; Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2021 - 2026 thực hiện nghị quyết của Quốc hội về kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021 - 2025 thuộc lĩnh vực giáo dục, đồng thời là năm tiến hành Đại hội Đảng các cấp, tiến tới Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, ngành Giáo dục và Đào tạo cần tiếp tục đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế; tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện.

- Tiếp tục triển khai hiệu quả chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018; phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; tăng cường cơ sở vật chất bảo đảm chất lượng các hoạt động giáo dục; nâng cao chất lượng giáo dục đại học; phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, khắc phục tình trạng thiếu giáo viên.

- Tăng cường cơ sở vật chất bảo đảm chất lượng các hoạt động giáo dục và đào tạo; đẩy mạnh xây dựng xã hội học tập; bảo đảm công bằng, bình đẳng trong cơ hội tiếp cận giáo dục của người dân; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin

và chuyển đổi số trong giáo dục. Thúc đẩy nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ, chú trọng đào tạo nhân lực các ngành, lĩnh vực trọng điểm, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế tri thức, kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, nhất là các ngành khoa học cơ bản, kỹ thuật, công nghệ.

- Tiếp đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút các nguồn lực phát triển giáo dục; nâng cao chất lượng giáo dục tập trung xây dựng và phát triển đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, tạo điều kiện để cán bộ quản lý, giáo viên tham gia các lớp bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ theo Luật giáo dục và trình độ lý luận chính trị, quản lý giáo dục.

2.1. Chỉ tiêu đến năm 2026

- 100% trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở công lập được công nhận đạt chuẩn kiểm định chất lượng và đạt chuẩn quốc gia mức độ 1; trong đó, có 10% trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.

- 23/23 xã, thị trấn duy trì, giữ vững đạt chuẩn PCGDTH-ĐĐT; PCGDTHCS và phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi.

- Tỷ lệ trẻ em đến trường đúng độ tuổi là 99,5%; trong đó Mầm non - 5 tuổi đạt 100%, Tiểu học đạt 99,5%, THCS đạt 99,5%.

2.2. Nhiệm vụ

- Đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/1013 của BCH TW Đảng khóa XI về “đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”. Chuẩn bị mọi điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục, đội ngũ giáo viên để thực hiện Chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới.

- Hoàn thành chỉ tiêu xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, mức độ 2. Tăng cường bồi dưỡng kiến thức quản lý, lý luận chính trị, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, giáo viên bằng nhiều hình thức.

- Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của ngành giáo dục và đào tạo thành phố.

2.3. Giải pháp thực hiện

- Tích cực tham mưu các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương tạo điều kiện từ các nguồn lực tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục, xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, mức độ 2.

- Phối hợp với các phòng, ban, ngành đoàn thể của thành phố và các xã đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của đội ngũ cán bộ quản lý, học sinh, phụ huynh học sinh và các tầng lớp nhân dân tạo niềm tin, sự đồng thuận, tích cực trong việc áp dụng Chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới.

- Quy hoạch, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, giáo viên có phẩm chất, năng lực, phong cách sư phạm mẫu mực, thực hiện tốt lộ trình áp dụng Chương trình giáo dục phổ thông mới.

- Tăng cường triển khai thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, cách thức kiểm tra đánh giá, các hoạt động trải nghiệm sáng tạo theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực, kỹ năng của người học. Đa dạng hóa các hình thức dạy học, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, từng bước nâng cao chất lượng giáo dục.

- Tích cực đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, công tác khuyến học, khuyến tài xây dựng xã hội học tập.

3. Yêu cầu đối với xây dựng Kế hoạch phát triển KTXH năm 2025 thuộc lĩnh vực giáo dục

3.1 Yêu cầu đối với đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển năm 2024

- Thực hiện tốt nhiệm vụ năm học 2023-2024 và triển khai năm học 2024-2025, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục ở các cấp học và kết thúc năm học đảm bảo thời gian quy định; Thực hiện phối hợp các cơ quan đơn vị về rà soát và tham mưu điều động, bổ nhiệm, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý các trường.

- Có 23/23 xã, phường trên địa bàn thành phố duy trì bền vững kết quả đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS, đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non trẻ 5 tuổi. Thực hiện hoàn thành kế hoạch xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia trong năm 2024⁴.

3.2. Đối với Kế hoạch phát triển KTXH năm 2025 thuộc lĩnh vực giáo dục

Tích cực chỉ đạo tổ chức thực hiện các nhiệm vụ đã đề ra trong Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố khóa XVI; Triển khai thực hiện nhiệm vụ thuộc chương trình công tác năm 2025 của Ban Thường vụ Thành ủy, HĐND, UBND thành phố. Đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 2021-2025 và đầu tư công trung hạn của thành phố. Đến cuối năm 2025, có:

- 100% trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở công lập được công nhận đạt chuẩn kiểm định chất lượng và đạt chuẩn quốc gia mức độ 1; trong đó, có 10% trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.

- 23/23 xã, phường giữ vững kết quả đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non trẻ em 5 tuổi; đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức 3; đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức 2 (*phần đầu có 50% số xã, phường đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức 3*); đạt chuẩn phổ cập giáo dục xóa mù chữ mức 2.

⁴ Kế hoạch số 108/KH-UBND ngày 22/4/2024 thực hiện công tác kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia năm 2024.

- Tiếp tục xây dựng, củng cố và phát huy chức năng của 23 Trung tâm học tập cộng đồng tại các xã, phường nhằm làm chỗ dựa vững chắc cho phong trào xây dựng “xã hội học tập” giai đoạn 2020-2025.

- Tỷ lệ trẻ em đến trường đúng độ tuổi là 99,5%; trong đó Mầm non - 5 tuổi đạt 100%, Tiểu học đạt 99,5%, THCS đạt 99,5%.

- Tổ chức các hoạt động, Hội thi dành cho học sinh, giáo viên cả 03 cấp học, thúc đẩy phong trào thi đua trong toàn ngành gắn với mục tiêu nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động chuyên môn tại các cơ sở giáo dục. Xây dựng nghị quyết chuyên đề về nâng cao chất lượng dạy và học, tăng cường giáo dục đạo đức cho học sinh. Thực hiện tốt cuộc vận động “Mỗi thầy giáo, cô giáo là một tấm gương tự học và sáng tạo”.

- Đẩy mạnh các giải pháp nâng cao chất lượng Giáo dục và Đào tạo ở tất cả các cấp học, quan tâm đến việc giáo dục kỹ năng sống cho học sinh; tăng cường giáo dục đạo đức lý tưởng Cách mạng cho thanh, thiếu niên và nhi đồng; giáo dục phổ biến pháp luật trong học sinh; tăng cường và phát huy hiệu quả hoạt động tư vấn tâm lý học đường đối với học sinh phổ thông.

- Tiếp tục quan tâm phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn, hỗ trợ cho các trường học trong việc lập hồ sơ, thủ tục đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định.

- Tiếp tục rà soát, giải quyết và kiến nghị cấp có thẩm quyền giải quyết đối với các khó khăn, vướng mắc về cơ sở vật chất, chế độ chính sách, các vấn đề liên quan đến điều kiện giảng dạy... của các trường học thuộc huyện.

B. XÂY DỰNG DỰ TOÁN NSNN NĂM 2025, KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - NSNN 3 NĂM GIAI ĐOẠN 2025-2027, KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH 5 NĂM GIAI ĐOẠN 2026-2030

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NSNN NĂM 2024 VÀ CÁC NĂM 2021-2024 LĨNH VỰC GIÁO DỤC ĐÀO TẠO

1. Đánh giá thực hiện dự toán thu phí, lệ phí, thu sự nghiệp

1.1. Đánh giá tình hình thực hiện dự toán thu học phí năm 2024

- Việc triển khai thực hiện Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo (Nghị định 81) và Nghị quyết số 165/NQ-CP ngày 20/12/2022 của Chính phủ về học phí đối với cơ sở giáo dục và đào tạo công lập năm học 2022-2023, Nghị định số 97/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo (Nghị định 97).

- Thực hiện thu học phí và hỗ trợ chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập của các trường trong thời gian qua đảm bảo theo quy định về giải quyết chế độ, chính sách cho học sinh và thực hiện các hoạt động chuyên môn từ nguồn thu học phí.

1.2. Đánh giá tình hình thực hiện dự toán thu học phí các năm 2021-2024

Trong những năm qua các đơn vị trường học trên địa bàn thành phố được đảm bảo phân bổ kinh phí chi thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn và thực hiện từ nguồn thu học phí hàng năm theo quy định.

2. Đánh giá tình hình thực hiện tổng chi NSNN năm 2024 và các năm 2021-2024 cho lĩnh vực giáo dục

2.1. Đánh giá chung

- Hằng năm căn cứ dự toán NSNN giao và nhu cầu thực tế của các đơn vị; UBND thành phố phân bổ kinh phí cho các đơn vị đảm bảo theo quy định.

- Về thực hiện dự toán giao: UBND thành phố đã chỉ đạo các đơn vị thực hiện thu, chi ngân sách, chi thường xuyên và huy động các nguồn tài chính đúng luật, đúng quy định. Thực hiện đúng công tác xã hội hóa giáo dục, huy động nguồn lực từ phụ huynh học sinh, dân chủ theo tinh thần tự nguyện đảm bảo đúng quy định. Thực hiện đủ và kịp thời về chế độ chính sách đối với học sinh.

- Tỷ lệ phân bổ dự toán ngân sách cho ngành giáo dục theo quy định tại Nghị quyết số 29/2021/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi và Nghị quyết số 23/2023/NQ-HĐHD ngày 22/9/2023 của sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022 và các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách mới ban hành kèm theo nghị quyết số 29/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

2.2. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên năm 2024 và 03 năm 2021-2024

2.2.1. Đánh giá thực hiện chi ngân sách thường xuyên cho GDĐT năm 2024:

Thực hiện Nghị quyết số 29/2021/NQ-HĐND và Nghị quyết số 23/2023/NQ-HĐHD ngày 22/9/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi; Năm 2024, tổng kinh phí phân bổ chi cho con người 81% (*tiền lương và các khoản đóng góp theo lương*); kinh phí chi hoạt động phân bổ đủ 19% trên tổng kinh phí tiền lương, (*Chi tiết theo phụ biểu đính kèm theo*).

a) Đánh giá việc thực hiện các chính sách hỗ trợ giáo dục - đào tạo về số đối tượng thụ hưởng và kinh phí chi trả:

- Các chính sách đối với cơ sở GDMN, trẻ em mầm non, giáo viên, nhân viên mầm non theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP được triển khai kịp thời, chi trả chế độ đảm bảo theo quy định cho học sinh, đúng đối tượng thụ hưởng.

- Các chế độ chính sách cho người học, như: Chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021

của Chính phủ; Chính sách hỗ trợ học sinh khuyết tật thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi học tại các cơ sở giáo dục theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 của liên Bộ: Giáo dục và Đào tạo, Lao động - Thương binh và Xã hội, kinh phí hỗ trợ kịp thời chi trả chế độ đảm bảo quy định đến học sinh, đối tượng thụ hưởng, (*Chi tiết theo phụ biểu đính kèm theo*)

b) Đánh giá việc thực hiện các chương trình, dự án, đề án:

- Đề án Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017-2025 được Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2080/QĐ-TT ngày 22/12/2017 (*Đề án NNQG*): đang triển khai thực hiện.

- Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hỗ trợ các hoạt động dạy - học, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025” được Chính phủ ban hành tại Quyết định số 117/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 (*Đề án 117*): đang triển khai thực hiện.

- Đề án xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030 được Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1373/QĐ-TTg ngày 30/7/2021 (*Đề án 1373*): đang triển khai thực hiện.

- Đề án phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2018-2025 được Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1677/QĐ-TTg ngày 03/12/2018 (*Đề án 1677*).

- Thực hiện Quyết định số 1677/QĐ-TTg ngày 03/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển Giáo dục mầm non giai đoạn 2018-2025; Quyết định số 750/QĐ-UBND ngày 22/5/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt kế hoạch triển khai đề án phát triển Giáo dục mầm non giai đoạn 2018-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, UBND Thành phố Quảng Ngãi ban hành Quyết định số 3995/QĐ-UBND ngày 30/10/2020 của UBND thành phố Quảng Ngãi về việc Phê duyệt Kế hoạch triển khai Đề án phát triển GDMN giai đoạn 2019-2025 trên địa bàn thành phố Quảng Ngãi, đồng thời triển khai đến các cơ sở giáo dục trên địa bàn thành phố.

- Về quy mô, mạng lưới trường lớp: Tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ ra lớp đạt 43,4%, so với quy định tại Quyết định 1677/QĐ-TTg và mục tiêu phát triển GDMN của thành phố đến năm 2025 đạt (*Mục tiêu Đề án đến năm 2025 đạt 35%*); Tỷ lệ huy động trẻ mẫu giáo ra lớp đạt 93,3%%, so với quy định chưa đạt (*Mục tiêu Đề án đến năm 2025 đạt 95%*).

- Về đội ngũ giáo viên: Có 83% giáo viên đạt trình độ cao đẳng, đại học; có 95 % giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp mức độ khá trở lên, so với quy định tại Quyết định 1677/QĐ-TTg hiện tại đạt.

Về cơ sở vật chất, trường lớp: Đảm bảo tỷ lệ 01 phòng/nhóm, lớp, so với quy định; Tỷ lệ phòng học kiên cố đạt 93,5%, đảm bảo so với quy định tại Quyết định 1677/QĐ-TTg; có 100% trường đạt chuẩn quốc gia và 95,8% trường đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng, so với quy định tại Quyết định 1677/QĐ-TTg.

Khó khăn, vướng mắc: Tại địa bàn thành phố không có nguồn kinh phí chi trả trực tiếp cho CBQL và GVMN; chưa có nguồn chi cho nhân viên cấp dưỡng (*đang thực hiện xã hội hóa từ phụ huynh*) nên mức lương nhân viên cấp dưỡng thấp vì tùy thuộc vào số trẻ đi trong tháng.

Tiêu học: Tỷ lệ giáo viên/ lớp bình quân là 1,38, chưa đáp ứng được yêu cầu đạt 1,5 theo quy định; thiếu giáo viên môn Tiếng Anh, Tin học và Công nghệ; tỷ lệ học sinh/ lớp tại một số trường vượt 35 học sinh/lớp.

Nguyên nhân: Mặc dù được đầu tư xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất nhưng nhiều trường vẫn còn thiếu phòng học, thiếu phòng bộ môn theo quy định, chưa đáp ứng kịp nhu cầu dạy và học trong nhà trường.

Tích cực phát huy công tác tham mưu cho các cấp lãnh đạo để tranh thủ sự quan tâm, đầu tư về mọi mặt cho giáo dục trong giai đoạn then chốt thực hiện đổi mới chương trình, SGK giáo dục phổ thông theo lộ trình.

Các nhiệm vụ thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện GD và ĐT, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN như triển khai chương trình, SGK giáo dục phổ thông mới; đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục;...: Đánh giá, làm rõ mức độ đạt, chưa đạt các chỉ tiêu/mục tiêu nội dung nhiệm vụ; Đánh giá tình hình huy động các nguồn lực thực hiện Chương trình GDPT 2018, những mặt được, chưa được, những khó khăn, vướng mắc, hạn chế và các nguyên nhân: việc thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT đã thực hiện chương trình GDPT 2018 đối với các lớp 1,2,3,4,6,7,8 và đang thực hiện chương trình GDPT 2018 đối với các lớp 5 và lớp 9. Nhìn chung, việc thực hiện chương trình GDPT 2018 đảm bảo theo lộ trình, được sự đồng thuận của các cấp, các ngành và cha mẹ học sinh.

2.2.2. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chi hoạt động thường xuyên các năm 2021-2024.

Trong những năm qua dự toán NSNN cấp đảm bảo việc chi lương, các khoản đóng góp theo lương và chi hoạt động chuyên môn theo quy định hiện hành; các chế độ, chính sách hỗ trợ cho học sinh kịp thời theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP, Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, Thông tư số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC.

II. XÂY DỰNG DỰ TOÁN NSNN NĂM 2025

1. Xây dựng dự toán thu học phí năm 2025

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; Nghị định số 97/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo

dục, đào tạo và mức thu học phí quy định tại Nghị quyết số 28/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập năm học 2023 - 2024 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, cụ thể (theo phụ biểu đính kèm).

2. Xây dựng dự toán chi NSNN năm 2025

Căn cứ định hướng xây dựng kế hoạch, căn cứ Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và xây dựng dự toán ngân sách Nhà nước năm 2025 và kế hoạch tài chính 3 năm 2025-2027.

Căn cứ số liệu về biến động dân số, dự báo nhu cầu về số lượng học sinh;

Trên cơ sở kế hoạch phát triển và dự toán ngân sách của ngành Giáo dục - Đào tạo thành phố năm 2024, triển khai xây dựng kế hoạch năm 2025 và định hướng kế hoạch, nhiệm vụ, giải pháp phát triển Giáo dục - Đào tạo năm 2025-2027 theo quy định.

Trong thời kỳ ổn định ngân sách, ngành Giáo dục - Đào tạo thành phố tiếp tục phát huy những thuận lợi, khắc phục khó khăn phấn đấu thực hiện hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ về phát triển Giáo dục - Đào tạo; tiếp tục thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp theo tinh thần Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu của xã hội và hội nhập quốc tế; chuẩn bị và thực hiện các điều kiện triển khai chương trình giáo dục phổ thông mới theo Nghị quyết số 88/2014/QH13 và Nghị quyết số 51/2017/QH14 của Quốc hội; đẩy mạnh hoạt động giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh.

Đổi mới công tác quản lý, tập trung khắc phục những hạn chế, bất cập; tăng cường an ninh, an toàn trong trường, lớp học; chú trọng xây dựng văn hóa học đường, trang bị kỹ năng sống cho học sinh; xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, dân chủ, kỷ cương;

Tiếp tục sắp xếp, xử lý hiệu quả vấn đề thừa, thiếu giáo viên cục bộ; đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút các nguồn lực phát triển giáo dục; nâng cao chất lượng giáo dục tập trung xây dựng và phát triển đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, tạo điều kiện để CBQL, giáo viên tham gia các lớp bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ theo Luật giáo dục và trình độ lý luận chính trị, quản lý giáo dục.

III. LẬP KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - NSNN 03 NĂM 2025-2027

Xây dựng dự toán ngân sách 3 năm 2025-2027 theo quy định của Luật NSNN, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm và Thông tư số 69/2017/TT-BTC ngày 7/7/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm (Thông tư số 69/2017/TT-BTC), các Luật về thuế, quản lý thuế, Luật phí, lệ phí, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý nợ công, Luật quản lý tài sản công, các văn bản pháp luật có liên quan;

Chiến lược phát triển KTXH 10 năm 2021-2030, các kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025 (*Chi tiết theo phụ biểu đính kèm*).

IV. ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH 05 NĂM GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH 05 NĂM GIAI ĐOẠN 2026-2030 (*Chi tiết theo phụ biểu đính kèm*).

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Ngành Giáo dục và Đào tạo thành phố có 68 trường gồm: Mầm non 24 trường, Tiểu học 21 trường, Trung học cơ sở 18 trường; TH&THCS 5 trường. Về cơ sở chất hiện còn một ít trường xuống cấp; trang thiết bị dạy học chưa đảm bảo còn thiếu so với nhu cầu thực tế; nguồn dự toán ngân sách cấp chỉ đảm bảo về chi con người và một số nhiệm vụ hoạt động chuyên môn, dẫn đến việc giảng dạy gặp nhiều khó khăn.

2. Để đảm bảo cho công tác dạy và học của ngành Giáo dục và Đào tạo thành phố, đồng thời đáp ứng yêu cầu về Chương trình giáo dục phổ thông 2018, UBND thành phố kính đề nghị các cấp hàng năm tăng cường bổ sung kinh phí sửa chữa, mua sắm trang bị cơ sở vật chất, đảm bảo phục vụ việc dạy và học theo Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.

UBND thành phố báo cáo Kế hoạch phát triển giáo dục và dự toán NSNN năm 2025 và kế hoạch ngân sách 03 năm 2025-2027 để Sở Giáo dục và Đào tạo biết, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT;
- BTG Thành ủy;
- CT, các PCT UBND TP;
- Phòng GD&ĐT, TC-KH TP;
- CVP, PCVP, CV(VX);
- Lưu: VT, VX, GDĐT(LNHái).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Anh